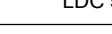
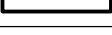
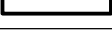
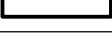
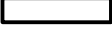
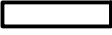
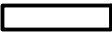
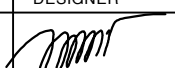


BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP								
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
					1 C.KIỆN	T.BỘ		
KÈO K1 SL: 04	1	 LDC 80x7 Thép góc		14600	2	8	116.8	993.97
	2	 LDC 80x7 Thép góc		8250	4	16	132	1123.32
	3	 LDC 80x7 Thép góc		4000	2	8	32	272.32
	4	 LDC 50x5 Thép góc		3550	4	16	56.8	214.14
	5	 LDC 50x5 Thép góc		3350	4	16	53.6	202.07
	6	 LDC 50x5 Thép góc		3000	4	16	48	180.96
	7	 LDC 50x5 Thép góc		2750	4	16	44	165.88
	8	 LDC 50x5 Thép góc		2450	4	16	39.2	147.78
	9	 LDC 50x5 Thép góc		2150	4	16	34.4	129.69
	10	 LDC 50x5 Thép góc		1950	4	16	31.2	117.62
	11	 LDC 50x5 Thép góc		1550	4	16	24.8	93.50
	12	 LDC 50x5 Thép góc		1500	4	16	24	90.48
	13	 LDC 50x5 Thép góc		950	4	16	15.2	57.30
	14	Thép bản  400x250x12			4	16	1.28 m2	120.58
	15	Thép bản  600x300x10			1	4	0.72 m2	56.52
	16	Thép bản  240x100x10			2	8	0.192 m2	15.07
	17	Thép bản  500x450x10			1	4	0.9 m2	70.65
	18	Thép bản  380x380x10			4	16	2.3104 m2	181.37
	19	Thép bản  360x350x10			2	8	1.008 m2	79.13
	20	Thép bản  300x280x10			2	8	0.672 m2	52.75
	21	Thép bản  300x200x10			2	8	0.48 m2	37.68
	22	Thép bản  200x170x10			2	8	0.272 m2	21.35
	23	Thép bản  400x250x10			4	16	1.6 m2	125.60
	24	Thép bản  300x250x10			4	16	1.2 m2	94.20
	25	Thép bản  400x250x10			4	16	1.6 m2	125.60
	26	Thép bản  400x180x10			8	32	2.304 m2	180.86
	27	Thép bản  100x70x10			32	128	0.896 m2	70.34
	28	Bu lông D22, L=650	bộ					48
G. KÈO XÉO		 LDC 50x5 Thép góc		6300	10	10	63	273.5
- Trọng lượng Thép góc: LDC 80x7 = 2389.64 kg; Chiều dài = 280.8 mét - Trọng lượng Thép góc: LDC 50x5 = 1636.92 kg; Chiều dài = 434.2 mét - Trọng lượng thép bản có chiều dày 12 mm = 120.58 kg - Trọng lượng thép bản có chiều dày 10 mm = 1111.12 kg								

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP								
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
					1 C.KIỆN	T.BỘ		
GIÀN KÈO SL: 02	1	Thép ống  ø48.1xd3		13000	2	4	52	173.51
	2	Thép ống  ø75.6xd3.5		12520	1	2	25.04	155.83
	3	Thép ống  ø38.1xd3		520	26	52	27.04	70.22
	4	Thép ống  ø38.1xd3		575	13	26	14.95	38.82
	5	Thép ống  ø38.1xd3		670	44	88	58.96	153.11
	6	Thép ống  ø300xd8		500	2	4	2	115.22
	7	Thép bản  ø300x10			4	8	0.071 m2	5.57
	8	Thép bản  220x150x10			4	8	0.016 m2	1.26
	9	Bu lông D16, L=450	bộ					32
GIẢNG KÈO SL: 03	1	Thép ống  ø48.1xd3		2990	1	3	8.97	29.93
	2	Thép ống  ø48.1xd3		3600	1	3	10.8	36.04
	3	Thép ống  ø38.1xd3		860	3	9	7.74	20.10
	4	Thép ống  ø38.1xd3		500	4	12	6	15.58
	5	Thép ống  ø38.1xd3		670	2	6	4.02	10.44
- Trọng lượng thép ống tròn có ø48.1xd3: = 239.48kg; Chiều dài = 71.77 mét - Trọng lượng thép ống tròn có ø75.6xd3.5: = 155.83 kg; Chiều dài = 25.04 mét - Trọng lượng thép ống tròn có ø38.1xd3: = 308.27 kg; Chiều dài = 90.54 mét - Trọng lượng thép ống tròn có ø300xd8: = 115.22 kg; Chiều dài = 2 mét - Trọng lượng thép bản có chiều dày 10 mm = 6.83 kg								

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP								
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
					1 C.KIỆN	T.BỘ		
THÉP HỘP	1	Thép hộp  50x100x1.6		25000	20	20	500	1843.81
	2	Thép hộp  40x80x1.4		6500	17	17	110.5	284.65
	3	Thép hộp  40x80x1.4		9400	4	4	37.6	96.86
	4	Thép hộp  40x80x1.4		4000	22	22	88	226.69
	5	Thép hộp  40x80x1.4		3400	4	4	13.6	35.03
- Trọng lượng thép ống vuông có BxHxd=50x100x1.6: = 1843.81 kg; Chiều dài = 500 mét - Trọng lượng thép ống vuông có BxHxd=40x80x1.4: = 643.23 kg; Chiều dài = 249.7 mét								

CÔNG TRÌNH	PROJECT		
XÂY DỰNG NHÀ ĐA NĂNG TRƯỜNG TH VÀ THCS THÁC MỜ, PHƯỜNG PHƯỚC LONG, TỈNH ĐỒNG NAI			
ĐỊA CHỈ:	ADDRESS		
PHƯỜNG PHƯỚC LONG, TỈNH ĐỒNG NAI			
CHỦ ĐẦU TƯ	OWNER		
PHÒNG KINH TẾ PHƯỜNG PHƯỚC LONG			
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:			
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN			
ACC			
ĐỊA CHỈ	ADDRESS		
ĐƯỜNG HUỖNH MẪN ĐẠT, PHƯỜNG BÌNH PHƯỚC, TỈNH ĐỒNG NAI TEL : 0913735605			
GIÁM ĐỐC	DIRECTOR		
			
ĐÀO HỮU TUẤN			
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	CHIEF ARCHITECT		
KS PHẠM ĐỨC THO			
THỂ HIỆN	DESIGNER		
KS PHẠM ĐỨC THO			
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	CHECKED BY		
KS: PHẠM ĐỨC THO			
HẠNG MỤC	ITEMS		
NHÀ ĐA NĂNG			
TÊN BẢN VẼ	DRAWING NAME		
BẢNG THỐNG KÊ THÉP			
LOẠI HỒ SƠ	ISSUED FOR		
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG			
TỈ LỆ/SCALE	NĂM/YEAR	KÝ HIỆU	DRAW No. KC 24/24
	2026		